

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 12 – ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2026/DSST
Ngày: 06 - 4 - 2026
V/v: Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12 – ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Đào

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Thân

Ông Trần Đức Hòa

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Ái Vi – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 12 – Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12- Đồng Nai tham gia phiên tòa:
Bà Dương Hoài Thảo – Kiểm sát viên.

Trong ngày 06 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 12 - Đồng Nai mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 246/2025/TLST – DS ngày 08 tháng 11 năm 2025 về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 137/2026/QĐXXST – DS ngày 24 tháng 02 năm 2026 giữa:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị T, sinh năm 1973

Địa chỉ: Thôn 2, xã A, tỉnh Đồng Nai (Vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phan Như N, sinh năm 1991

Địa chỉ: Thôn B, xã C, thành phố Đà Nẵng. (Có mặt)

Bị đơn: Bà Trần Thị Th, sinh năm 1982 và ông Quách Hữu Q, sinh năm 1977
Cùng địa chỉ: Thôn 8, xã A, tỉnh Đồng Nai. (Đều vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Trần Thị T và người đại diện theo ủy quyền ông Phan Như N trình bày:

Vào năm 2023, bà Trần Thị T có cho bà Trần Thị Th và chồng là ông Quách Hữu Q vay 02 lần với tổng số tiền 520.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất là 1,5%/tháng, thời hạn trả là 01 năm. Khi vay có làm giấy nhưng chỉ có bà Th ký, mục đích vay tiền để kinh doanh, thời gian vay cụ thể thì bà Th không nhớ rõ vì giấy vay tiền đã bị xé bỏ. Tới hạn bà Th không trả tiền nên ngày 10/6/2024, hai bên chốt lại số tiền vay gốc và tính lại khoản tiền lãi còn nợ. Cụ thể, vợ chồng bà Th vẫn còn nợ bà T số tiền vay gốc là 520.000.000 đồng, thời hạn trả là 01 năm (ngày 10/6/2025), lãi suất 1,5%/tháng. Việc chốt nợ này được lập văn bản là Hợp đồng vay mượn tiền

(VNĐ) đề ngày 10/6/2024. Sau khi viết lại hợp đồng vay mượn tiền thì bà T xé bỏ giấy nợ cũ. Đối với số tiền lãi của khoản vay cũ hai bên tính toán là 100.000.000 đồng nên bà Th có viết thêm nội dung còn nợ bà T số tiền 100.000.000 đồng tiền lãi phía mặt sau của hợp đồng vay mượn tiền này.

Tuy nhiên, đến hạn vợ chồng bà Th, ông Q không trả tiền như thỏa thuận mặc dù bà T đã nhiều lần gặp để yêu cầu trả nợ. Mặc dù, chỉ một mình bà Th ký tên vào giấy vay mượn tiền nhưng ông Q có biết việc này và nhận trả nợ cho bà T, đồng thời bà Th vay tiền với mục đích kinh doanh phục vụ cho gia đình nên bà T yêu cầu ông Q, bà Th phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà T số tiền vay gốc là 520.000.000 đồng và tiền lãi của số tiền này từ năm 2023 đến ngày chốt nợ là 100.000.000 đồng; khoản lãi tạm tính từ ngày chốt nợ (ngày 10/6/2024) đến thời điểm khởi kiện là 132.600.000 đồng. Ngoài ra, bà T không có yêu cầu gì khác.

Bị đơn bà Trần Thị Th và ông Quách Hữu Q mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án và không có ý kiến phản hồi nên không có lời khai.

Tại phiên tòa: Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của bà T. Trước đây bà T yêu cầu khoản tiền lãi tạm tính từ ngày vay đến ngày 10/11/2025 là 132.600.000 đồng; nay bà T yêu cầu ông Q và bà Th phải trả cho bà T thêm khoản tiền lãi từ ngày 11/11/2025 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 06/4/2024) với mức lãi suất là 1,5% nên tổng số tiền lãi bà T yêu cầu là 170.000.000 đồng. Tổng số tiền bà T yêu cầu ông Q, bà Th phải trả cho bà T là 790.000.000 đồng. Ngoài ra, bà T không có yêu cầu gì khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12- Đồng Nai có quan điểm:

Về tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét thực hiện đúng các quy định về tố tụng.

Quan điểm về hướng giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà Trần Thị Th và ông Quách Hữu Q phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Trần Thị T tổng số tiền 790.000.000 đồng. Trong đó số tiền vay gốc là 520.000.000 đồng, tiền lãi từ năm 2023 đến ngày chốt nợ ngày 10/6/2024 là 100.000.000 đồng và tiền lãi chậm trả từ ngày 11/6/2024 đến ngày xét xử sơ thẩm là 170.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào lời khai của đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn khởi kiện bà Trần Thị Th và ông Quách Hữu Q có hộ khẩu thường trú tại thôn 8, xã A, tỉnh Đồng Nai đề yêu cầu bà Th và ông Q phải trả tổng số tiền vay gốc và khoản tiền lãi là 752.000.000 đồng. Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án dân sự về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 12- Đồng Nai.

[2] Về sự vắng mặt của bị đơn: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện việc cấp tổng đạt các văn bản tố tụng theo đúng quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự cho bị đơn bà Trần Thị Th, ông Quách Hữu Q. Tuy nhiên bà Th và ông Q vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

Về nội dung:

[3] Theo lời trình bày của phía nguyên đơn thì vào năm 2023, bà T có cho vợ chồng ông Q, bà Th vay 02 lần với tổng số tiền 520.000.000 đồng, mục đích kinh doanh, khi vay có làm giấy, thỏa thuận lãi suất 1,5%/tháng nhưng tới hạn bà T, ông Thờ không trả tiền nên ngày 10/6/2024, hai bên thỏa thuận chốt lại số tiền vay gốc là 520.000.000 đồng và khoản tiền lãi còn nợ lại là 100.000.000 đồng, lãi suất là 1,5%/tháng, hạn đến ngày 10/6/2025 sẽ trả. Thỏa thuận này được các bên lập thành văn bản là Hợp đồng vay mượn tiền (VNĐ) đề ngày 10/6/2024.

[4] Xét bản chính Hợp đồng vay mượn tiền (VNĐ) ngày 10/6/2024 (Bút lục 39) mà phía nguyên đơn cung cấp thể hiện nội dung ông Quách Hữu Q và vợ là bà Trần Thị Th có vay ông, bà Chín Toan (tên thường gọi của bà T) số tiền 520.000.000 đồng, mặt phía sau của Hợp đồng thể hiện nội dung “10-6-2024 còn nợ chị Toan 100.000.000 tiền lãi, một trăm triệu tiền lãi” có chữ ký xác nhận Trần Thị Th. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho bà Th. Tuy nhiên bà Th không có ý kiến phản đối với khoản vay của bà T. Do đó, việc bà Th và bà T có chốt lại khoản vay gốc 520.000.000 đồng trước đó và khoản tiền lãi 100.000.000 đồng còn nợ nên hai bên viết lại Hợp đồng vay mượn tiền ngày 10/6/2024 là có thật. Hiện nay, bà Th chưa trả cho bà T nên cần buộc bà Th phải có nghĩa vụ trả cho bà T số tiền này.

[5] Xét việc nguyên đơn yêu cầu ông Quách Hữu Q phải có nghĩa vụ liên đới cùng bà Trần Thị Th trả khoản nợ gốc và lãi nêu trên cho nguyên đơn thấy rằng: Tại Hợp đồng vay mượn tiền ngày 10/6/2024 thể hiện người vay tiền là ông Quách Hữu Q và vợ là bà Trần Thị Th nhưng chỉ một mình bà Th ký tên người vay tiền. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt thông báo thụ lý vụ án có nội dung bà T yêu cầu ông Q và bà Th có nghĩa vụ liên đới trả nợ cho bà T. Đồng thời đã tổng đạt giấy triệu tập làm việc; thông báo về việc mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông Q không đến Tòa án làm việc hoặc gửi văn bản trình bày ý kiến phản đối yêu cầu của nguyên đơn buộc ông Q có nghĩa vụ cùng bà Th trả nợ. Tại cuộc hội thoại giữa bà T và ông Q được bà T ghi âm có nội dung sau: “...Em sắm sửa cái nợ, cái kia mà tiền nong cái nợ cái kia không trả cho chị thì chị muốn chửi em, chị muốn làm gì, chị đưa đi đâu thì đi...” “...Đưa đi đâu thì em cũng chấp nhận nhưng mà em nói thật với chị làm ăn bây giờ nó không ra cái gì, rẫy vườn thì nó bán”, “...bây giờ thời hạn ví dụ chẳng hạn em làm ăn được, nay có được năm ba chục bán năm ba chục em gửi cho chị, thế thôi, chứ bây giờ không bán được, em cũng chạy ăn từng bữa, em nói thật chị luôn”. Tòa án đã ban hành thông báo về việc công khai chứng cứ là file ghi âm do nguyên đơn cung cấp và tổng đạt thông báo cùng bản giải trình file ghi âm này cho ông Q nhưng ông Q không tham gia buổi công khai chứng cứ cũng không gửi văn bản phản đối. Như vậy, xét thấy ông Q không có ý kiến phản đối và cung cấp tài liệu chứng cứ chứng minh khoản nợ mà phía nguyên đơn yêu cầu là khoản nợ riêng của bà Th. Mặt khác, thời điểm vay

tiền là trong thời kỳ hôn nhân của ông Q và bà Th, mục đích vay được ghi trong giấy vay tiền là để kinh doanh tạo ra thu nhập phục vụ cho nhu cầu thiết yếu của gia đình, ông Q có biết việc bà Th vay tiền và đồng ý trả khoản nợ này cho bà T. Theo quy định tại Điều 27 và Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình vợ, chồng phải chịu trách nhiệm liên đới với giao dịch do một bên thực hiện nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình. Do đó, ông Q phải có nghĩa vụ liên đới cùng bà Th trả số tiền gốc và lãi cho bà T theo quy định.

[6] Về lãi suất: Tại Hợp đồng vay mượn tiền ngày 10/6/2024 thể hiện mức lãi suất thỏa thuận là 1,5%/tháng. Do các bên có thỏa thuận về lãi suất và mức lãi suất các bên thỏa thuận không vượt quá quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 nên mức lãi suất được tính theo thỏa thuận của các bên là 1,5%/tháng. Tuy hợp đồng vay tài sản giữa các bên là hợp đồng vay có thời hạn nhưng phía nguyên đơn không yêu cầu tính lãi trong hạn và lãi quá hạn mà chỉ yêu cầu tính lãi từ ngày vay cho tới ngày xét xử sơ thẩm với mức lãi suất là 1,5%/tháng nên cần chấp nhận yêu cầu mức lãi suất này của phía nguyên đơn.

[7] Thời gian chậm trả được tính từ ngày vay (ngày 10/6/2024) tới ngày xét xử sơ thẩm (ngày 06/4/2026) là 21 tháng 27 ngày nên tiền lãi được tính như sau: $(520.000.000 \text{ đồng} \times 1,5\%/\text{tháng}) \times 21 \text{ tháng } 27 \text{ ngày} = 170.820.000 \text{ đồng}$. Phía nguyên đơn chỉ yêu cầu số tiền lãi là 170.000.000 đồng nên cần chấp nhận đối với số tiền này.

[8] Từ những nhận định trên, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn bà Trần Thị Th, ông Quách Hữu Q phải có nghĩa vụ liên đới trả cho nguyên đơn bà Trần Thị T số tiền vay gốc là 520.000.000 đồng, khoản tiền nợ lãi trước đó là 100.000.000 đồng, tiền lãi chậm trả từ ngày vay đến ngày xét xử sơ thẩm 170.000.000 đồng, tổng là 790.000.000 đồng.

[9] Án phí dân sự sơ thẩm: Bà T không phải chịu, hoàn trả cho bà T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 17.052.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0007057 ngày 07/11/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai.

Bà Th, ông Q phải chịu án phí đối với số tiền phải có nghĩa vụ trả cho bà T tương đương 35.600.000 đồng.

[10] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12- Đồng Nai tại phiên tòa là có căn cứ nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 235 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các điều 463; 466 của Bộ luật Dân sự.

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị T.

Buộc bà Trần Thị Th, ông Quách Hữu Q phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Trần Thị T tổng số tiền 790.000.000 đồng (*Bảy trăm chín mươi triệu đồng*). Trong đó số tiền vay gốc là 520.000.000 đồng (*Năm trăm hai mươi triệu đồng*), tiền nợ lãi trước đó là 100.000.000 đồng (*Một trăm triệu đồng*), tiền lãi chậm trả từ ngày vay

đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 06/4/2026) là 170.000.000 đồng (*Một trăm bảy mươi triệu đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trần Thị T không phải chịu, hoàn trả cho bà T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 17.052.000 đồng (*Mười bảy triệu không trăm năm mươi hai nghìn đồng*) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0007057 ngày 07/11/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai.

Bà Trần Thị Th, ông Quách Hữu Q phải chịu 35.600.000 đồng (*Ba mươi lăm triệu sáu trăm nghìn đồng*).

Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND khu vực 12- Đồng Nai;
- THADS tỉnh Đồng Nai;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Thị Đào